

BÀI ÔN TẬP TIẾNG ANH KHỐI 5

PHIẾU SỐ 02

I. Find the odd one out (Tìm từ khác với các từ còn lại trong nhóm)

- | | | | |
|--------------------|----------------|-----------------|------------------|
| 1. A. hamburger | B. pizza | C. soya milk | D. sausage |
| 2. A. mobile phone | B. flea market | C. battery | D. phone charger |
| 3. A. stop sign | B. turn left | C. turn right | D. go straight |
| 4. A. plane | B. dizzy | C. bus | D. taxi |
| 5. A. soccer | B. baseball | C. martial arts | D. volleyball |
| 6. A. lizard | B. snake | C. crocodile | D. monkey |

II. Choose the best word in brackets to complete the sentences (Chọn một từ đúng trong ngoặc để hoàn thành câu.)

1. She teaches in a school. So she is a _____ (*worker, farmer, teacher*)
2. The cinema is _____ your left. (*in, on, at*)
3. There is _____ bookshop here. (*a, an, two*)
4. Turn right _____ Tran Hung Dao Street (*in, into, on*)
5. The giraffe is the _____ animal in the zoo. (*tallest, tall, taller*)
6. _____ has the biggest population? (*China, India, Russia*)

III. There is a mistake in each sentence. Underline it and write the correct sentence. (Tìm và gạch chân vào một lỗi sai trong mỗi câu sau. Viết lại câu đúng)

1. We visit our grandparents last month.
2. Before Tet I put from some decorations.
3. I didn't wanted to get up this morning!
4. My dad dranked all the milk yesterday!
5. Last weekend my parents didn't went out.
6. What does he do in 1982?

IV. Read and write T for True or F for False (Đọc đoạn văn sau và điền T nếu thông tin đúng và F nếu thông tin sai vào các câu sau)

My name is Nam. I have a brother. His name is Phong. He is younger but taller than me. This is our room. Those are our school bags. Phong's school bag is bigger than mine because he has many books in it. That is my table. It is longer than Phong's and I

put many things on it: notebooks, a radio and a computer.

1. Phong is older than Nam. _____
2. Phong is taller than Nam. _____
3. Nam's school bag is smaller than Phong's _____
4. Phong's table is shorter than Nam's _____
5. There is a computer on Nam's table _____
6. There is a phone charger on Nam's table. _____

V. Reorder the words to make correct sentences (*Sắp xếp các từ sau thành câu có nghĩa*)

1. music / did / to / listen / you / last night / ?

.....

2. to / flea / you / go / do / market / the / want / to ?

.....

3. get / do / to / the / flower / how / shop / I / nearest ?

.....

4. by / go / to / they / usually / school / bus.

.....

5. thicker / is / this / than / book / one / that / .

.....

6. red / how / the / is / much / T-shirt ?

.....

---- The end ----